

Bản án số: 138/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2024

V/v “Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con khi ly hôn giữa
bà Bích và ông Tuấn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà La Thị Thu Nga

2- Bà Đoàn Thị Mến

- **Thư ký Tòa án:** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 122/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05-9-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1990, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ D, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Anh T, sinh năm 1990, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ C, ấp V, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21-5-2024, bản khai ngày 12-7-2024, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 12-7-2024, ngày 09-8-2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Trịnh Anh T chung sống như vợ chồng vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 04-11-2022. Vợ chồng chung sống đến khoảng đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng ý kiến nên thường xuyên cãi vã. Từ đầu năm 2023, vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn nhưng không thành. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn ông T.

- *Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 01 con chung Trịnh Thanh A, sinh ngày 10/9/2022 đang sống cùng bà, nếu ly hôn bà yêu cầu nuôi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- *Về chia tài sản chung:* Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trịnh Anh T là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải, xét xử nhưng vắng mặt.

Kết quả xác minh ngày 05-6-2024 tại ấp V, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác định không biết ông bà có mâu thuẫn hay không.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Không tham gia (Theo Công văn số 180/CV-VKS ngày 13/8/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận định:

[2] *Về tố tụng:*

[2.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Ngọc B là nguyên đơn tranh chấp với ông Trịnh Anh T là bị đơn về ly hôn, nuôi con khi ly hôn; ông T có nơi cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] *Về xét xử vắng mặt:* Bà B là nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 05-9-2024; ông T là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan

nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:*

[3.1.1] Bà B và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 04-11-2022 (Giấy chứng nhận số 146) nên hôn nhân này là hợp pháp.

[3.1.2] Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, theo bà B là do ông T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng ý kiến nên thường xuyên cãi vã. Từ đầu năm 2023, vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn nhưng không thành. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn ông T.

[3.1.3] Tòa án triệu tập ông T nhiều lần để hòa giải hàn gắn nhưng ông không đến hòa giải. Cho thấy, mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà B ly hôn ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về nuôi con chung:* Ông bà có 01 con chung Trịnh Thanh A, sinh ngày 10/9/2022, nếu ly hôn bà yêu cầu nuôi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Xét thấy, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu A sống cùng với bà B, nguyện vọng cháu muốn ở cùng mẹ, vì vậy chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà B; bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; ông T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

[3.3] *Về chia tài sản chung:* Bà không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về án phí:* Bà B phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân:* Cho bà Nguyễn Ngọc B ly hôn ông Trịnh Anh T.

2. *Về nuôi con chung:* Bà Nguyễn Ngọc B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Thanh A, sinh ngày 10/9/2022; bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; ông Trịnh Anh T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: Bà Nguyễn Ngọc B không yêu cầu.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng số 0000788 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc; bà Nguyễn Ngọc B đã nộp đủ; ông Trịnh Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA